

Bản án số: 625/2024/DS-PT
Ngày 09 - 12 - 2024
V/v tranh chấp quyền về lối đi qua

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 391/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4255/2024/QĐXXPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Cao Thị Bé T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 2001 (có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: Số C, đường Đ, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Võ Thanh D - Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt);

Địa chỉ: Số C, đường Đ, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1948;

Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1973;

Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1969;

Chị Nguyễn Thị Diệu T1, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bà Cao Thị Bé T, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Cao Thị Bé T có quyền sử dụng đối với thửa đất số 85 có tổng diện tích 4.671,5m², tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số VP09024 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/02/2024. Nguồn gốc thửa đất này là bà T nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị Diệp A và ông Huỳnh Văn T2 vào năm 2022. Khi nhận chuyển nhượng, bà T có đến xem xét hiện trạng đất thì bà Diệp A và ông T2 chỉ cho bà T thửa đất số 85 bao gồm cả thửa đất số 74 có tổng diện tích 2.554,0m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre ở phía ngoài do ông Nguyễn Minh P là chủ sử dụng, bà T tin tưởng nên không xác minh lại; các bên sang nguyên sổ nên không tiến hành đo đạc lại; khi đó bà T thấy có hàng rào bên hông (hàng rào không kiên cố như hiện tại) và thấy có lối đi mòn trên thửa đất số 74 (lối đi bằng đất, có chiều ngang khoảng 05 tấc), không thấy có hàng rào phía trước và nhà trên thửa đất số 74. Đến tháng 3/2024, bà T mới biết được thửa đất số 85 nằm ở phía trong, không bao gồm thửa đất số 74 ở phía ngoài. Trước khi khởi kiện, khoảng đầu năm 2024, bà T mới thấy có hàng rào bên hông, hàng rào phía trước và nhà như hiện tại trên thửa đất số 74. Từ sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất số 85, bà T có đến quản lý, sử dụng đất thông qua lối đi mòn trên thửa đất số 74, đến sau tháng 3/2024 thì thông qua việc đi trên thửa đất giáp ranh với thửa đất số 74 do ông Nguyễn Tấn L1 là chủ sử dụng.

Từ thửa đất số 85 đi ra được đường công cộng thì lối đi trên thửa đất số 74 là lối đi gần nhất và thuận tiện nhất đối với bà T. Bà T có liên hệ với ông P để xin được mở lối đi hoặc có thể nhận chuyển nhượng lại một phần đất để làm lối đi nhưng ông P không đồng ý; còn các chủ sử dụng đất khác ở xung quanh, bà T cũng có thỏa thuận nhưng họ cũng không đồng ý. Bà T có yêu cầu UBND xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre hòa giải với ông P nhưng kết quả hòa giải không thành.

Xét thấy: Lối đi trên thửa đất số 74 do ông P là chủ sử dụng là lối đi gần nhất và thuận tiện nhất đối với bà T. Lối đi hiện bà T đang đi trên thửa đất giáp ranh với thửa đất số 74 do ông L1 là chủ sử dụng chỉ là đi tạm, hiện trạng không phải là lối đi có sẵn, phải qua 03 con mương, không thuận tiện cho việc đi bằng xe, nếu mở lối đi này thì chi phí đền bù hoa màu trên đất rất cao; lối đi trên thửa đất do ông L1 là chủ sử dụng (lối đi có đổ một phần đá xanh) thì ông L1 đã rút cầu, không đồng ý cho đi; lối đi trên thửa đất do ông Huỳnh Hữu D2 là chủ sử dụng có chiều dài gấp 3, 4 lần lối đi qua thửa đất số 74, nếu mở lối đi này thì chi phí đền bù hoa màu trên đất rất cao. Để đi vào thửa đất số 85, từ trước đến nay không có lối đi hoàn thiện, chủ sử dụng cũ có đi trên lối đi trên thửa đất số 74 do ông P là chủ sử dụng, ông P không cho đi nên mới đi trên thửa đất do ông L1 là chủ sử dụng, hiện ông L1 cũng không đồng ý cho bà T đi.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông P mở cho bà lối đi có chiều ngang 2m, chiều dài từ thửa đất số 85 ra đến đường công cộng nằm trên thửa đất số 74 có tổng diện tích 2.554m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (là thửa đất số 74a có diện tích 126,7m² theo kết quả đo đạc). Bà T đồng ý đền bù giá trị lối đi và giá trị hoa màu, vật kiến trúc trên đất cho ông P theo kết quả định giá tài sản ngày 27/6/2024; đồng ý với kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật đối với chi phí thu thập chứng cứ.

Đối với lối đi trên thửa đất số 74 từ hàng rào bên hông qua mương ranh với thửa đất do ông L1 là chủ sử dụng mà ông P đồng ý cho bà T đi, bà T không đồng ý vì hiện trạng đa phần là mương, để đi thì phải bồi đắp với chi phí rất cao.

Theo Bản tự khai; Biên bản hòa giải; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Huỳnh Thị M, bà Nguyễn Thị Bích L và chị Nguyễn Thị Diệu T1 là ông Nguyễn Minh P trình bày:

Ông là chủ sử dụng thửa đất số 74 có tổng diện tích 2.554,0m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Hiện tại trên thửa đất số 74 có ông, mẹ ông là bà Huỳnh Thị M, chị ông là bà Nguyễn Thị Bích L, vợ ông là bà Nguyễn Thị D1 và con ông là chị Nguyễn Thị Diệu T1 đang sinh sống. Thửa đất số 74 giáp ranh với thửa đất số 85 có tổng diện tích 4.671,5m², tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre, hiện bà T đang đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất số 74 là mẹ ông mua năm

1974 – năm 1975 của ông bà nội ông Huỳnh Văn N. Đến năm 2021, mẹ ông tặng cho ông và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn nguồn gốc thửa đất số 85 là của ông bà nội ông N, ông bà nội ông N chết thì chuyển cho cha mẹ ông N, cha mẹ ông N chết thì chuyển lại cho ông N. Trước đây, gia đình ông N có đi trên lối đi mòn có chiều ngang khoảng 04 – 05 tấc (cấp mé xẻo) trên thửa đất số 74 để đi vào thửa đất số 85 (lúc này toàn bộ thửa đất số 74 không có xây rào xung quanh), nhưng đây không phải lối đi duy nhất, gia đình ông N còn đi trên các lối đi khác trên nhiều thửa đất do nhiều người khác là chủ sử dụng để đi vào thửa đất số 85. Sau khi ông N chết, từ năm 2014 không còn ai đi trên lối đi mòn trên thửa đất số 74 nên ông bắt đầu xây hàng rào bên hông và phía trước (là hàng rào lưới B40). Ngày 02/10/2021 âm lịch, ông bắt đầu khởi công xây dựng nhà và hàng rào phía trước như hiện tại. Từ năm 2014 đến nay, để đi vào thửa đất số 85, gia đình chủ sử dụng thửa đất số 85 không còn đi trên lối đi qua thửa đất số 74, mà đi các lối đi khác như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/5/2024 (gồm 02 lối đi qua thửa đất do ông L1 là chủ sử dụng và lối đi trên thửa đất do ông D2 là chủ sử dụng).

Khi nhận chuyển nhượng thửa đất số 85, bà T không có gặp ông để hỏi về lối đi. Từ sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất số 85, bà T không vào quản lý, sử dụng đất, hiện tại ông T2 còn đang sinh sống và thu hoạch dừa trên đất để sống (trên đất có 01 căn nhà tình thương). Ông T2 không có đi trên thửa đất số 74, mà đi trên các lối đi khác như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/5/2024 để vào thửa đất số 85.

Do đó, ông, bà M, bà L, chị T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Ông, bà M, bà L và chị Tiên đồng ý với kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ông vẫn đồng ý cho bà T đi trên thửa đất số 74 để đi vào thửa đất số 85 nhưng là lối đi khác từ hàng rào bên hông qua mương ranh với thửa đất do ông L1 là chủ sử dụng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D1 trình bày:

Bà là vợ ông P, hiện đang sống chung với ông P, với mẹ chồng là bà Huỳnh Thị M, với chị chồng là bà Nguyễn Thị Bích L và với con là chị Nguyễn Thị Diệu T1 trên thửa đất số 74 có tổng diện tích 2.554,0m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Bà thống nhất với lời trình bày của ông P. Đối với kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều

254 Bộ luật dân sự; các Điều 26, 29 và Điều 37 Luật đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Bé T về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh P mở cho bà một lối đi có diện tích 126,7m² là thửa đất số 74a thuộc một phần thửa đất số 74 có tổng diện tích 2.554,0m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre để đi ra đường công cộng (có họa đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Khi mua đất, bà T nhằm thửa đất bà mua là phần thửa đất của ông P nên không hỏi về lối đi. Sau này, bà T vẫn đi trên lối đi trên đất ông P như những người trước đó. Ông L1 qua trao đổi cũng như biên bản hòa giải ở xã đều không cho bà T đi, hơn nữa đường đi qua đất ông L1 qua rất nhiều con mương, đốn rất nhiều dừa; còn lối đi ngược qua hộ ông D2 rất xa và là lối đi riêng của gia đình ông D2 đi thẳng vào nhà ông D2. Do đó, lối đi qua đất ông P là thuận tiện nhất và ít gây thiệt hại nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng của các bên đương sự, xét kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của nguyên đơn còn trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285, Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị Bé T, thấy rằng:

Bà T là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 85 có tổng diện tích 4.671,5m², tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị vây bọc bởi các thửa đất số 74, 73, 208, 108, 308, 309 và số 211, cùng tờ bản đồ số 5, cùng tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre, nhận thấy lối đi qua thửa 74 của ông Nguyễn Minh P là thuận tiện nên bà T yêu cầu ông P mở cho bà một lối đi có diện tích 126,7m² là thửa đất số 74a thuộc một phần thửa đất số 74 có tổng diện tích 2.554,0m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre để đi ra đường công cộng.

Theo Biên bản xác minh ngày 24/7/2024 thì gia đình ông N có đi trên lối đi mòn trên thửa đất số 74 để đi vào thửa đất số 85 nhưng đây không phải là lối đi duy nhất, lối đi mòn này cũng không phải là lối đi công cộng, gia đình ông N còn đi trên lối đi trên nhiều thửa đất khác do nhiều người khác là chủ sử dụng để đi vào thửa đất số 85; ông P đã xây dựng hàng rào (là hàng rào kéo lưới B40) phía bên phải và phía trước từ khoảng 10 năm nay, cách nay khoảng 03 năm thì xây dựng lại hàng rào phía trước như hiện tại; từ hàng rào phía bên phải trở qua thửa đất do ông L1 là chủ sử dụng có ống nước của Nhà máy nước C, sử dụng chung cho xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo Biên bản xác minh ngày 07/8/2024 thì gia đình ông N có đi trên lối đi mòn trên thửa đất số 74 để đi vào thửa đất số 85 nhưng đây không phải là lối đi duy nhất, gia đình ông N còn đi trên nhiều lối đi trên nhiều thửa đất khác do nhiều người khác là chủ sử dụng để đi vào thửa đất số 85; cách nay khoảng 03 năm thì ông P đã xây dựng nhà và hàng rào kiên cố phía trước như hiện tại.

Như vậy, trên thửa đất số 74 hiện không có lối đi sẵn từ đường công cộng đi vào thửa đất số 85, ông P đã xây dựng hàng rào xung quanh từ khoảng 10 năm nay; trên lối đi có nhiều cây trồng (trong đó có 05 (năm) cây dừa từ 01 đến dưới 04 năm, 01 (một) cây vú sữa trên 10 năm); cạnh bên hông lối đi mà bà T yêu cầu nằm kế bên nhà của ông P, cách sân nhà ông P (sân có lát gạch vỉa hè) khoảng 1,3m. Ngoài ra, bà T thừa nhận thửa đất số 85 bà nhận chuyển nhượng từ bà Diệp A và ông T2 vào năm 2022; khi nhận chuyển nhượng, bà T có đến xem xét hiện trạng thửa đất số 85 thì chị Diệp A và anh T2 chỉ cho bà T thửa đất số 85 bao gồm cả thửa đất số 74 ở phía ngoài do ông P là chủ sử dụng, bà T tin tưởng nên không xác minh lại; các bên sang nguyên sở nên không tiến hành đo đạc lại; sau khi biết được thửa đất số 85 nằm phía trong, bà T có đến quản lý, sử

dụng đất thông qua việc đi trên thửa đất giáp ranh với thửa đất số 74 do ông L1 là chủ sử dụng, hiện tại bà vẫn đi trên thửa đất này để đi vào thửa đất số 85, ông L1 vẫn chưa rào chắn lại và cũng chưa có ý kiến gì (ông L1 chỉ không đồng ý tiến hành lập biên bản xác minh đối với ông).

Bà T cho rằng khi nhận chuyển nhượng, bà có đến xem xét hiện trạng thửa đất số 85 thì thấy có hàng rào bên hông (hàng rào không kiên cố như hiện tại) và thấy có lối đi mòn trên thửa đất số 74 (lối đi bằng đất, có chiều ngang khoảng 05 tấc), không thấy có hàng rào phía trước và nhà trên thửa đất số 74. Tuy nhiên, thực tế bà T mua đất năm 2022 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2024, trong khi ông P xây nhà và làm hàng rào năm 2021 và được chính quyền địa phương xác nhận.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông P mở lối đi có diện tích 126,7m² là thửa đất số 74a thuộc một phần thửa đất số 74 có tổng diện tích 2.554,0m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre để đi ra đường công cộng là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị Bé T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254 Bộ luật dân sự; các Điều 26, 29 và Điều 37 Luật đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Bé T về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh P mở cho bà một lối đi có diện tích 126,7 m² là thửa đất số 74a thuộc một phần thửa đất số 74 có tổng diện tích 2.554,0 m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre để đi ra đường công cộng (có họa đồ kèm theo).

2. Về chi phí thu thập chứng cứ là 2.129.000 (hai triệu một trăm hai mươi chín nghìn) đồng, do nguyên đơn bà Cao Thị B T chịu và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do nguyên đơn bà Cao Thị B T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005042 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí phúc thẩm:

Bà Cao Thị Bé T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001744 ngày 20/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phận